**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI**

**DẦU KHÍ NGHỆ AN**

**Vinh, ngày 14 tháng 4 năm 2014**

**PHẦN I: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG:**

**TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ NGHỆ AN**

**Trụ sở chính**: Tầng 23-24 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7 - Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383.586488

Fax: 0383. 586696

Website: [www.pvit.com.vn](http://www.pvit.com.vn).

Email: dkna@yahoo.com.

Mã cổ phiếu: PXA

Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Chủ tịch HĐQT: Ông **Đường Hùng Cường**

Tổng Giám đốc: Ông **Lê Phi Hùng**

Số lượng Công ty thành viên: 0

**BAN LÃNH ĐẠO**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

- Ông Đường Hùng Cường: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ông Phan Hải Triều: Ủy viên

- Ông Đồng Xuân Bình: Ủy viên

- Ông Lê Phi Hùng: Ủy viên

- Ông Trần Đình Quang: Ủy viên

**BAN GIÁM ĐỐC:**

* Ông Lê Phi Hùng: Giám đốc
* Ông Trần Đình Quang: Phó Giám đốc
* Ông Trần Hoàng Đạt: Phó Giám đốc

**BAN KIỂM SOÁT:**

- Bà Trần Thị Hồng Minh: Trưởng Ban kiểm soát

- Ông Trần Lương Sơn: Thành viên

- Bà Lê Thị Thuý Hà: Thành viên

**KẾ TOÁN TRƯỞNG:** Ông Nguyễn Văn Phóng

**CƠ CẤU TỔ CHỨC:**

**`ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**BAN KIỂM SOÁT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN GIÁM ĐỐC**

**CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

**CÁC PHÒNG BAN CÔNG TY**

**SÀN GIAO DỊCH BĐS DKNA**

**BAN QUẢN LÝ TOÀ NHÀ DKNA**

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

**P.KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

**XÍ NGHIỆP PVIT 12**

**XÍ NGHIỆP PVIT 11**

**XÍ NGHIỆP PVIT 10**

**P.TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

**P.HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP**

**P.TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

1. **LĨNH VỰC KINH DOANH**
* Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các trung tâm thương mại, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chung cư;
* Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý các dự án thủy điện;
* Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
* Dịch vụ ủy thác đầu tư; Đầu tư tài chính;
* Đầu tư, kinh doanh Bất động sản;
* Kinh doanh vật tư, vật liệu, sản phẩm Dầu khí (xăng dầu, gas, phân đạm);
* Tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm tra hồ sơ thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông; thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
* Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông; thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
* Xây dựng các công trình: dân dụng, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng khu công nghiệp, giao thông, vận tải hàng hoá theo hợp đồng;
* Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.
1. **NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:**

**1. Việc thành lập:**

Công ty là đơn vị được thành lập theo chủ trương của Tập đoàn, với chức năng nhiệm vụ chính là thực hiện Đầu tư và Xây dựng một số dự án của ngành Dầu khí tại địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ;

Tổng số vốn điều lệ khi thành lập là 100 tỷ VNĐ (Một trăm tỷ đồng). Ban đầu, Công ty có 05 cổ đông sáng lập là 05 Công ty trong ngành:

* Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC): 30% VĐL;
* Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC): 30% VĐL;
* Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI): 10% VĐL;
* Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power land): 20% VĐL;
* Công ty Cổ phần Chứng khoánDầu khí (PSI): 10% VĐL.

Chính thức đi vào hoạt động từ ngày 25/02/2008 theo giấy CNĐKKD số 2900872462 do Sở KHĐT Nghệ An, Công ty đã nhanh chóng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, triển khai nhiều dự án đầu tư và xây dựng trọng điểm của ngành Dầu khí trên địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ.

**2. Quá trình phát triển**

* + Ngày 16/03/2008, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 04-1/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam góp vốn 10% vốn điều lệ thay cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An, cụ thể như sau:

Số lượng: 1.000.000 cổ phần *(một triệu cổ phần)*

Giá trị: 10.000.000.000 đồng *(mười tỷ đồng);*

Tính đến thời điểm 31/12/2008, số lượng CP và cơ cấu thực góp được như sau:

*Bảng 1: Danh sách cổ đông của PVIT tính đến 31/12/2008*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Vốn điều lệ đăng ký góp** | **Vốn điều lệ thực góp** | **Ghi chú** |
| **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng CP** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng CP** |
| 1 | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) | 30% | 3.000.000 | 12% | 1.200.000 | Chưa góp đủ |
| 2 | Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) | 20% | 2.000.000 | - | 0 | Chưa góp vốn |
| 3 | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) | 10% | 1.000.000 | 7% | 700.000 | Chưa góp đủ |
| 4 | Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land) | 20% | 2.000.000 | 6% | 600.000 | Chưa góp đủ |
| 5 | Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) | 10% | 1.000.000 | 10% | 1.000.000 | Đã góp đủ |
| 6 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) | 10% | 1.000.000 | 4% | 400.000 | Chưa góp đủ |
| **Tổng cộng** | **100%** | **10.000.000** | **39%** | **3.900.000** |  |

* + Ngày 01/01/2009, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 01A/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng CP Công ty của các cổ đông sáng lập. Cụ thể như sau:
* Đồng ý để Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power land) chuyển nhượng 100.000 CP; giá trị 1.000.000.000 đồng; tương đương 1% vốn điều lệ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

Số CP còn lại mà Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam chưa góp hết, sẽ chuyển cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp.

Số lượng: 1.400.000 cổ phần *(một triệu bốn trăm cổ phần)*

Giá trị: 14.000.000.000 đồng *(mười bốn tỷ đồng)*

Như vậy, tổng số CP của Tổng Công ty Dầu Việt Nam là 1.500.000 CP *(một triệu năm trăm nghìn cổ phần)*; giá trị 15 tỷ đồng; tương đương 15% vốn điều lệ.

* Đồng ý để (PSI) chuyển quyền góp vốn điều lệ cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Số lượng: 600.000 cổ phần *(sáu trăm nghìn cổ phần)*

Giá trị: 6.000.000.000 đồng *(sáu tỷ đồng)*

Như vậy, sau khi nhận chuyển quyền góp vốn, tổng số CP của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là 1.600.000 (*một triệu sáu trăm nghìn*) cổ phần; giá trị 16 tỷ đồng; tương đương 16% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở KHĐT tỉnh Nghệ An trong Giấy CNĐKKD thay đổi lần 2 ngày 16/6/2009 với danh sách cổ đông sáng lập như sau:

*Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập của PVIT theo Giấy CNĐKKD thay đổi lần 2*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng (CP)** | **Giá trị (VNĐ)** |
| 1 | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) | 30% | 3.000.000 | 30.000.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) | 20% | 2.000.000 | 20.000.000.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land) | 5% | 500.000 | 5.000.000.000 |
| 4 | Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) | 10% | 1.000.000 | 10.000.000.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) | 4% | 400.000 | 4.000.000.000 |
| 6 | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) | 16% | 1.600.000 | 16.000.000.000 |
| 7 | Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) | 15% | 1.500.000 | 15.000.000.000 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **10.000.000** | **100.000.000.000** |

Tại thời điểm 31/12/2009, các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn theo số vốn đã đăng ký góp.

* + Quý I/2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 10 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/11/2009 tại nghị quyết số 10/2009/NQ-ĐHĐCĐ.
* Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương Mại Dầu khí Nghệ An.
* Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
* Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
* Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
* Số lượng cổ phần đăng ký chào bán: 1.000.000 cổ phần (một triệu cổ phần).
* Thời hạn phát hành: từ ngày 01/01/2010 đến ngày 22/02/2010.
* Đối tượng chào bán: CBCNV và cổ đông ngoài Công ty.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành: 22/02/2010, Công ty đã phân phối được 800.000 cổ phần (tám trăm nghìn cổ phần); chiếm 80% tổng số cổ phiếu chào bán.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng).

HĐQT Công ty đã quyết định không tiến hành chào bán tiếp số CP được quyền chào bán nhưng chưa bán hết trong đợt phát hành.

Như vậy, kết thúc đợt phát hành riêng lẻ, vốn điều lệ của Công ty là 108 tỷ đồng.

*Bảng 3: Cơ cấu cổ đông sau khi kết thúc đợt phát hành năm 2010*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng (CP)** | **Giá trị (VNĐ)** |
| 1 | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) | 27,78% | 3.000.000 | 30.000.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) | 18,52% | 2.000.000 | 20.000.000.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power Land) | 4,63% | 500.000 | 5.000.000.000 |
| 4 | Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) | 9,26% | 1.000.000 | 10.000.000.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) | 3,7% | 400.000 | 4.000.000.000 |
| 6 | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) | 14,81% | 1.600.000 | 16.000.000.000 |
| 7 | Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) | 13,9% | 1.500.000 | 15.000.000.000 |
| 8 | Cổ đông khác | 7,4% | 800.000 | 8.000.000.000 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **10.800.000** | **108.000.000.000** |

* + Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2010 số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT ngày 11/05/2010, ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng CP của các cổ đông sáng lập cho Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An, cụ thể như sau:

*Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông sáng lập chuyển nhượng** | **Số lượng CP chuyển nhượng** |
| 1 | Tổng CT tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVFC) | 3.000.000 |
| 2 | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) | 1.600.000 |
| 3 | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) | 1.000.000 |
| 4 | CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí (PV Power land) | 500.000 |
|  | **Tổng cộng** | **6.100.000** |

Sau khi thực hiện chuyển nhượng, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

*Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập sau khi chuyển nhượng cổ phần*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Vốn góp** |
| **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng CP** |
| 1 | Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) | 75% | 8.100.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) | 3,7% | 400.000 |
| 3 | Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) | 13,9% | 1.500.000 |
| **Tổng cộng** | **92,6%** | **10.000.000** |

Công ty đã tiến hành sửa đổi Giấy CNĐKKD lần thứ 5 theo danh sách cổ đông sáng lập như trên.

* + Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 24/NQ-HĐCĐ.PVIT ngày 7/9/2010 quyết định chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) tại Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An cho các cổ đông khác. Công ty đã thực hiện thay đổi lại đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 05/11/2010 theo danh sách cổ đông sáng lập mới như sau:

*Bảng 6: Danh sách cổ đông sáng lập sau khi thực hiện chuyển nhượng cổ phần*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Vốn góp** |
| **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng CP** |
| 1 | Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) | 75 | 8.100.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) | 3,7 | 400.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) | 12,75 | 1.377.000 |
| 4 | Cổ đông khác (25 cổ đông) | 1,14 | 123.000 |
| **Tổng cộng** | **92,6%** | **10.000.000** |

* + Quý IV/2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 42 tỷ đồng theo phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 11/5/2010 tại nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ.PVIT và được sự chấp thuận của Uỷ ban chứng khoán nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 756/UBCK-GCN do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/12/2010, cụ thể:
* Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An
* Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
* Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
* Số lượng đăng ký chào bán: 4.200.000 cổ phiếu
* Tổng mệnh giá chào bán: 42.000.000.000 đồng
* Khối lượng vốn cần huy động: 42.840.000.000 đồng
* Mục đích huy động vốn: Tổng số tiền thu được để bổ sung vốn đầu tư cho dự án Tổ hợp dịch vụ tổng hợp chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú.
* Giá bán ra công chúng:
* Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV: 10.000 đồng/cổ phiếu
* Giá chào bán cho đối tác chiến lược: 12.000 đồng/cổ phiếu
* Đối tượng phát hành:
* Phát hành cho Cổ đông hiện hữu:
* Số lượng phát hành: 3.240.000 cổ phần
* Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
* Tổng mệnh giá: 32.400.000.000 đồng
* Phát hành cho Cán bộ nhân viên Công ty:
* Số lượng phát hành: 540.000 cổ phần, tương ứng với 5% vốn điều lệ đang lưu hành của Công ty.
* Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
* Tổng mệnh giá: 5.400.000.000 đồng
* Phát hành cho đối tác chiến lược:
* Số lượng phát hành: 420.000 cổ phần
* Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần
* Tổng giá trị phát hành: 5.040.000.000 đồng

 Công ty đã hoàn thành tăng vốn và niêm yết lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội 15.000.000 CP tương ứng 150 tỷ đồng.

**3. Định hướng phát triển**

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tập trung phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một Công ty mạnh, đa sở hữu, tập trung phát triển hoạt động SXKD trên các lĩnh vực quan trọng như Đầu tư, Xây lắp, Thương mại, Bất động sản, dịch vụ;

Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các Đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị, đầu tư dự án trọng điểm và phát triển thị trường theo các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung đầu tư và phát triển SXKD theo ngành nghề. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là từng bước mở rộng thêm hoạt động thương mại, dịch vụ.

**PHẦN II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2013**

Năm 2013 trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát kéo dài giá cả thị trường biến động, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư Xây dựng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng nhưng bằng các biện pháp quyết liệt và chỉ đạo kịp thời của Công ty mẹ, của Hội đồng quản trị cùng sự đoàn kết đồng tâm của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, sự quan tâm ủng hộ của quý vị Cổ đông... Mặc dù kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt được như chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng cũng rất đáng khích lệ cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2012 | Kế hoạch năm 2013 | Thực hiện năm 2013 | Tỷ lệ so sánh |
| TH2013/2012 | TH 2013/ KH 2013 |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4= 3/1 | 5= 3/2 |
| 1. | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 133,85 | 210,20 | 45,81 | 34,22% | 21,79% |
| 2. | Doanh thu | Tỷ đồng | 106,69 | 195,03 | 24,44 | 22,91% | 12,53% |
| 3. | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | -61,55 | -44,29 | -48,27 | - | - |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | -61,55 | -44,29 | -48,27 | - | - |
| 5. | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | % | - 41,0 | -29,42 | -32,18 | - |  |
| 6. | Thuế và các khoản phải nộp NSNN (ko phải nộp thuế TNDN) | Tỷ đồng | 4,71 | 13,80 | 2,18 | 46,28% | 15,79% |
| 7. | Thu nhập bình quân/người/tháng | Triệu đồng | 3,80 | 4,50 | 2,90 | 76,32% | 64,44% |

**B. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013.**

Hội đồng quản trị Công ty với vai trò đại diện cho các cổ đông của PVIT đã làm việc nỗ lực, phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Đảng ủy Công ty để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời và chỉ đạo, giám sát, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013. Cụ thể: Trong năm 2013 HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp (gồm: 06 cuộc họp trực tiếp trong đó có 04 cuộc họp liên tịch Đảng ủy và HĐQT Công ty, 02 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng; 06 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản). Sự chỉ đạo của HĐQT Công ty là định hướng để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực làm việc cũng như đảm bảo tính pháp lý, minh bạch trong quản lý điều hành của Công ty thể hiện trên các mặt công tác như sau:

1. Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên sâu, tập trung phát huy thế mạnh chính của Công ty là công tác Xây lắp và bất động sản. Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lựa chọn những CBCNV có năng lực kinh nghiệm thực sự, thu hút công nhân kỹ thuật trình độ tay nghề cao. Củng cố công tác tổ chức, nâng cao công tác quản lý, điều hành, nhằm xây dựng bộ máy hoạt động có hiệu quả cao cụ thể:

Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ quản lý chuyên sâu như thạc sỹ quản lý, tiến sỹ kinh tế, chỉ đạo áp dụng triệt đệ các biện pháp tiết giảm chi phí trong tình hình khó khăn hiện tại trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chế độ cho người lao động một cách  kip thời, chính xác, đúng đối tượng và quy định của Nhà nước;

 Cũng trong năm 2013, công tác đổi mới doanh nghiệp được Hội đồng quản trị chỉ đạo rất quyết liệt bằng việc chấm dứt sử dụng thương hiệu ngành Dầu khí, không tham gia góp vốn tại Công ty CP Thủy điện Dầu khí Nghệ An; giải thể Xí nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây dựng trực thuộc Công ty, dù còn gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng Công tác an sinh xã hội vẫn duy trì ổn định;

Tiếp tục nâng cao công tác quản lý doanh nghiệp, bên cạnh đó là ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật, nâng cao công tác quản lý chất lượng, khối lượng và hồ sơ của Công ty theo đúng quy trình quy phạm.

2. Công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành SXKD Công ty

Hội đồng quản trị luôn tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo đối với Ban giám đốc, các phòng/ban chức năng nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định hoạt động và phân cấp quản lý kinh tế tài chính cho các đơn vị hạch toán độc lập.

 Hội đồng quản trị thông qua các quy chế quản lý nội bộ, chỉ đạo các bộ phận tăng cường chủ động, kịp thời trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiến độ, hiệu quả kinh tế, hướng đến phân cấp và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân Thủ trưởng các đơn vị và trưởng các phòng/ban nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với các công trình trọng điểm, Hội đồng quản trị luôn sát cánh, hỗ trợ Ban giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như vốn công trình, nhân lực, trang thiết bị và các điều kiện khác tạo thuận lợi để công tác SXKD của Công ty có hiệu quả.

3. Công tác giám sát tài chính

Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế quản lý tài chính nội bộ nhằm tăng cường công tác giám sát tài chính; ban hành định mức, đơn giá nội bộ nhằm giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban giám đốc Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc hoàn thiện bộ máy làm công tác kế toán, đảm bảo quy chế kế toán lành mạnh, ổn định, chấp hành các quy định pháp luật. Công tác báo cáo luôn duy trì kịp thời. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước. Đặc biệt, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty thường xuyên tuyên truyền CBCNV nâng cao trách nhiệm cá nhân, thực hành tiết kiệm chống lãnh phí, hoàn thành công việc được giao trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

4. Công tác đầu tư

Về đầu tư xây dựng cơ bản: Hội đồng quản trị đã phê duyệt và đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền, chỉ đạo Ban giám đốc điều chỉnh kịp thời kế hoạch theo chủ trương kiềm chế lạm phát của Chính phủ, phân tích, đánh giá hiệu quả các dự án, mức độ quan trọng các dự án để đẩy nhanh, tạm dừng, giãn tiến độ do kém hiệu quả, để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải. Năm 2013 HĐQT đã thống nhất: giãn tiến độ đầu tư dự án: Khu Đô thị Dầu khí Vinh Tân, Khu nhà ở thu nhập thấp Dầu khí Hưng Lộc, Khu Resort và dịch vụ Tổng hợp Cửa Lò, tạm dừng đầu tư xây dựng Tòa nhà số 1 dự án Nghi Phú để tập trung hoàn thành và bàn giao khách hàng Tòa nhà số 2, tìm kiếm đối tác chuyển giao 2 dự án xăng dầu tại Nam Sơn – Đô Lương và Khai Sơn – Anh Sơn (hiện dự án Xăng dầu Nam Sơn đã được chuyển giao cho Công ty Xăng dầu Nghệ An);

5. Công tác cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết như: Báo cáo tài chính quý/năm, Báo cáo giao dịch cổ phiếu nội bộ, Báo cáo về việc chốt danh sách cổ đông… và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của cổ đông.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững, tin cậy với các chủ đầu tư, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các Sở ban ngành địa phương và luôn tích cực tìm kiếm đối tác, thị trường mới.

\* Một số nguyên nhân tồn tại và bài học kinh nghiệm:

Nguyên nhân tồn tại như sau:

- Công tác dự báo, định hướng chiến lược phát triển của Công ty thời gian qua chưa phù hợp với nhu cầu thực của thị trường;

- Công tác đầu tư dự án còn giàn trải, trong khi đó khả năng về tài chính của Công ty có hạn, công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ còn hạn chế.

- Sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát của Hội đồng quản trị đôi lúc chưa thực sự quyết liệt dẫn đến kết quả hoạt động SXKD trong năm qua không đạt như mong muốn.

Bài học kinh nghiệm và kiến nghị.

1. Nâng cao năng lực dự báo thị trường, năng lực đấu thầu trong công tác xây lắp, xây dựng định hướng chiến lược phát triển của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty và Tập đoàn trên cơ sở tận dụng tối đa nội lực của doanh nghiệp gắn với nhiệm vụ hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;

2. Phân định rõ vai trò và trách nhiệm của các cá nhân lãnh đạo, các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc sao cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn hiện nay.

3. Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kịp thời các sai lệch trong quản lý điều hành của Công ty.

4. Thực hiện tốt việc quản lý, tổ chức SXKD khoa học, hợp lý và hiệu quả, tăng cường vai trò quản lý điều phối của Công ty đối với hoạt động SXKD của các Đơn vị trực thuộc, đẩy mạnh, củng cố và tổ chức tốt việc quản trị doanh nghiệp và quản trị tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

5. Thực hiện tốt công tác quản lý, qui hoạch, luân chuyển, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân lành nghề. Thường xuyên thực hiện việc đánh giá  năng lực cán bộ, trên cơ sở đó đào tạo bồi dưỡng và bố trí cán bộ phù hợp với năng lực cán bộ.

6. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức tốt sự phối kết hợp giữa tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, thường xuyên phát động, tổ chức thực hiện và tổng kết các phong trào thi đua nhằm thực hiện tốt kế hoạch công tác đã đề ra. Không ngừng tìm kiếm các công trình, đem lại công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và quyền lợi cho các cổ đông.

 **C. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014**

 + Tiếp tục kiện toàn và cơ cấu lại tổ chức bộ máy của Công ty cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần theo đúng Luật doanh nghiệp. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại Công ty theo hướng tinh gọn và chuyên sâu, sắp xếp bố trí cán bộ phòng/ban/đơn vị phù hợp, phát huy năng lực, sáng tạo và tính chủ động của mỗi CBCNV nhằm tăng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

 + Tập trung xây dựng, đào tạo và có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật trình độ tay nghề cao. Chú trọng công tác nâng cao và đào tạo lại đội ngũ hiện có phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.

 + Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý tài chính nội bộ của Công ty phù hợp nhằm tăng cường tình hình giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

 + Tiếp tục tăng cường rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có kế hoạch đầu tư hợp lý, tránh đầu tư dàn trải đồng thời tích cực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm đang triển khai và tìm kiếm các cơ hội đầu tư những dự án hiệu quả khác.

 + Tăng cường công tác giám sát, chỉ huy, điều hành nhất là các dự án trọng điểm của Công ty, của ngành đảm bảo yêu cầu chất lượng, an toàn, thẩm mỹ và bàn giao đúng tiến độ nâng cao uy tín và thương hiệu cho Công ty.

 + Chỉ đạo thực hiện trọng điểm tòa nhà số 1 Dự án Nghi Phú, tiếp tục tìm hiệu và nghiên cứu Dự án Khu nhà ở thu nhập thấp cho CBCNV tại xã Hưng Lộc…

 + Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

**PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm 2013, tiếp tục là một năm kinh tế đất nước chưa thoát ra được khỏi khủng hoảng, các khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp khó khăn trong tiếp cận vốn, thị trường Bất động sản vẫn chưa khởi sắc làm ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Mặc dù, tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty đã nỗ lực cố gắng khắc phục khó khăn và tận dụng những lợi thế hiện có để quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra nhưng kế quả thực hiện đạt thấp, cụ thể như sau:

**I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2012 | Kế hoạch năm 2013 | Thực hiện năm 2013 | Tỷ lệ so sánh |
| TH 2013/2012 | TH 2013/ KH 2013 |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4= 3/1 | 5= 3/2 |
| 1. | Giá trị sản lượng | Tỷ đồng | 133,85 | 210,20 | 45,81 | 34,22% | 21,79% |
| 2. | Doanh thu | Tỷ đồng | 106,69 | 195,03 | 24,44 | 22,91% | 12,53% |
| 3. | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | -61,55 | -44,29 | -48,27 | - | - |
| 4. | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | -61,55 | -44,29 | -48,27 | - | - |
| 5. | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | % | - 41,0 | -29,42 | -32,18 | - |  |
| 6. | Thuế và các khoản phải nộp NSNN (ko phải nộp thuế TNDN) | Tỷ đồng | 4,71 | 13,80 | 2,18 | 46,28% | 15,79% |
| 7. | Thu nhập bình quân/người/tháng | Triệu đồng | 3,80 | 4,50 | 2,90 | 76,32% | 64,44% |

**II. Đánh giá các lĩnh vực hoạt động:**

**1. Công tác đầu tư dự án:**

Do gặp nhiều khó khăn trong bố trí nguồn vốn và giao dịch của thị trường BĐS chưa thực sự sôi động nên trong năm qua Công ty chỉ nỗ lực tập trung hoàn thành quyết toán, các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với dự án đã hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ các dự án sắp hoàn thành để bàn giao cho khách hàng và thu hồi vốn. Công tác đầu tư các dự án năm 2013, cụ thể như sau:

- Dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An: Đã hoàn thành kiểm toán các gói thầu với giá trị tổng mức đầu tư sau kiểm toán là 618.299.256.806 đồng. Trong năm qua, đã hoàn thiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu tài sản và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho các căn hộ chung cư, thông báo và hướng dẫn các chủ căn hộ tiến hành nộp hồ sơ xin cấp quyền sở hữu nhà cho các căn hộ. Đến nay, đã có 16 căn hộ hoàn thiện nộp hồ sơ, tiến hành các thủ tục giải chấp nộp lên các cơ quan chức năng để tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu. Bên cạnh đó, Công ty đã nộp hồ sơ xin Cấp quyền sở hữu tài sản thuộc phần TTTM và Văn phòng cho thuê tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, thủ tục đang gặp khó khăn do chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền về việc cấp quyền sở hữu tài sản đối với phần TTTM nằm trên khu đất mà Công ty đã trả tiền đất cho nhà nước.

- Dự án Tổ hợp dịch vụ, chung cư cao cấp, văn phòng và nhà ở liền kề Nghi Phú: Trong năm qua, Công ty đã nỗ lực hoàn thành Tòa nhà số 02 cao 11 tầng và bàn giao căn hộ cho khách hàng. Tuy nhiên, kế hoạch xây dựng và khai thác Tòa nhà chung cư số 01 cao 11 tầng chưa thực hiện được. Đồng thời, Công ty đã tiến hành bàn giao hồ sơ về đất, thu tiền đặt cọc và thương thảo Hợp đồng xây thô nhà cho các khách hàng mua đất biệt thự và nhà liền kề phía sau để tiến hành các bước tiếp theo về xây dựng nhà ở, nhưng khách hàng chưa thực sự hợp tác trong việc nộp tiền đặt cọc và thương thảo Hợp đồng xây nhà nên chưa tiến hành xây dựng được.

- Các dự án khác như Khu đô thị Dầu khí Vinh Tân, khu nhà ở thu nhập thấp và nhà ở CBCNV Dầu khí – Hưng Lộc: Trong năm qua, do thị trường bất động sản chưa khởi sắc nên các dự án đang tạm dừng đầu tư.

- Các dự án về đầu tư trạm cung cấp xăng dầu và dịch vụ tổng hợp tại xã Nam Sơn - Đô Lương và xã Khai Sơn - Anh Sơn: Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng dự án tại xã Nam Sơn cho Công ty xăng dầu Nghệ An; dự án tại xã Khai Sơn - Anh Sơn đang nghiên cứu phương án triển khai tiếp theo để đảm bảo hiệu quả cao nhất.

**2. Lĩnh vực thi công xây lắp:**

- Do báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty thua lỗ nên công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm công việc mới gặp rất nhiều khó khăn. Trong năm 2013, không có hợp đồng mới nào được ký kết mà chỉ tiến hành thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2012 sang, bao gồm thi công tại dự án Nghi Phú, trường tiểu học Làng Sen, Phòng Bảo hiểm Bảo Việt Quỳnh Lưu và Trạm cung cấp xăng dầu xã Nam Sơn. Tuy nhiên, do khối lượng các công trình còn lại không lớn, giá trị phát sinh tại Công trình NMNĐ Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt nên giá trị sản lượng và doanh thu đạt được thấp.

- Trong năm 2013, Công ty đã thi công hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư tại các công trình trường tiểu học Làng Sen, Phòng Bảo hiểm Bảo Việt Quỳnh Lưu và Trạm cung cấp xăng dầu xã Nam Sơn.

Để khắc phục các khó khăn trong tìm kiếm công trình, Ban giám đốc Công ty đã có một số giải pháp như: Đối với các công trình trong nước, do hiện nay các công trình đầu tư bằng vốn ngân sách đang bị giảm xuống, nên Công ty sẽ tìm hiểu và tiếp thị các dự án có nguồn vốn tài trợ, vốn ngoài ngân sách, sau đó sẽ tìm các đơn vị có năng lực tài chính để liên danh thực hiện.

Bên cạnh đó, năm 2013 Công ty đã tích cực nghiên cứu tìm kiếm các công trình tại Lào, bằng việc tổ chức các đoàn cán bộ sang tìm hiểu thị sát trực tiếp.

**3. Lĩnh vực khai thác kinh doanh Bất động sản:**

- Năm 2013, mặc dù Chính phủ đã có các biện pháp nhằm hỗ trợ, kích cầu cho lĩnh vực này, tuy nhiên thị trường BĐS vẫn trầm lắng và chưa thực sự khởi sắc. Do đó số lượng căn hộ do Công ty trực tiếp giao dịch chưa đạt được so với kỳ vọng. Công tác thu hồi công nợ từ các hợp đồng chung cư vẫn gặp nhiều khó khăn và chưa đạt kế hoạch đã đề ra.

- Trong thời gian qua, Công ty chỉ ký kết thêm được 5 hợp đồng/ 22 căn hộ còn lại tại chung cư tại dự án TNDKNA (số lượng căn hộ còn lại của dự án TNDKNA là 17 căn); ký kết được 12 hợp đồng chung cư tại Tòa nhà số 02 dự án Nghi Phú (trong đó có 03 hợp đồng được ký kết để đối trừ công nợ và 9 hợp đồng với khách hàng ngoài, số lượng căn hộ còn lại của Tòa nhà số 02 dự án Nghi Phú là 02 căn).

Một số tồn tại cần khắc phục trong lĩnh vực Kinh doanh bất động sản.

- Bên cạnh những nguyên nhân khách quan bên ngoài tác động thì hoạt động của Sàn GDBĐS trong năm 2013 vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực hơn các năm trước, quy mô và hình thức hoạt động còn thụ động. Đây là vấn đề tồn tại đã kéo dài lâu và vẫn chưa được khắc phục.

- Chưa bắt nhịp được với nhu cầu thị trường, thị hiếu Khách hàng để đẩy mạnh công tác tiếp thị, khuyến mãi, đãi ngộ Khách hàng; chưa khai thác được thế mạnh trong các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh BĐS.

- Hiện nay, Nhà nước đang có chủ trương sẽ nới lỏng gói hỗ trợ 30.000 tỷ, đây là cơ hội để Công ty bán hết sản phẩm còn tồn đọng. Vì vậy, Sàn GDBĐS cần theo dõi nắm bắt tình hình để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

**4. Công tác tài chính, kế toán:**

- Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện thành công phương án bàn giao tài sản còn lại của dự án TNDKNA cho Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam-Chi nhánh Thanh Hóa (PVFC-Thanh Hóa) để đối trừ công nợ. Kết quả sau khi bàn giao 4 tầng TTTM và 8 tầng văn phòng với giá trị là 303.592.351.073 đồng thì hai Bên hết nợ, hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc đối trừ công nợ thành công đã giảm được rất lớn số tiền vay phải trả và chi phí lãi vay phát sinh hàng năm. Đồng thời, Công ty đã đàm phán với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Nghệ An (BIDV-Nghệ An) để giải quyết các nội dung liên quan đến việc trả nợ gốc và lãi vay tại dự án.

- Bên cạnh đó, công tác kế toán luôn được thực hiện nghiêm túc và hoàn thành số liệu tài chính đúng thời gian quy định của Ủy ban chứng khoán và các cơ quan chủ quản; luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ và chính sách tài chính, thực hiện công tác báo cáo tài chính thường xuyên, định kỳ đúng theo yêu cầu của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành; tăng cường việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đúng các yêu cầu quản lý tài chính của Nhà nước.

Trong năm qua, mặc dù HĐQT và Ban TGĐ đã thực hiện nhiều biện pháp cắt giảm chi phí nhưng kết quả SXKD năm 2013 vẫn thua lỗ do: Doanh thu đạt thấp, chi phí lãi vay cho dự án TNDKNA quá lớn.

**5. Công tác Tổ chức, nhân sự, tiền lương và chế độ cho người lao động:**

- Về Công tác tổ chức: Trước yêu cầu nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, trong năm 2013 Công ty tiếp tục thực hiện lộ trình kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, đổi mới công tác quản lý, công tác điều hành cho phù hợp với mô hình hoạt động mới. Tính đến thời điểm 31/12/2013, Tổng số CBCNV của Công ty là 110 người trong đó có 75 nam và 35 nữ. Trình độ chuyên môn Đại học và trên Đại học 63 người chiếm 57,27 %, Cao đẳng 13 người chiếm 11,82 %, Trung cấp 20 người chiếm 18,18 %, Lao động phổ thông 14 người chiếm 12,73 %.

- Trong tình hình khó khăn của năm 2013, Công ty đã áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí, trong đó có việc giảm giờ làm và nghỉ luân phiên các ngày trong tuần tại các Phòng/ Ban/ Đơn vị. Do đó, tiền lương bình quân giảm từ 3,8 triệu đồng/người/tháng xuống còn 2,9 triệu đồng/người/tháng.

- Do kết quả SXKD gặp khó khăn dẫn đến không có nguồn thu nên Công ty mới chỉ thực hiện đóng BHXH đến tháng 1 năm 2013. Tính đến nay, số tiền còn nợ BHXH là 1,01 tỷ đồng. Tuy nhiên, do có cam kết về lộ trình thanh toán tiền nợ nên đến nay CBCNV Công ty vẫn được cấp phát BHYT đầy đủ và kịp thời.

- Về công tác hành chính: Công tác văn thư luôn được Công ty chú trọng hàng đầu, tất cảc các công văn đến và đi luôn được xử lý ngay trong ngày làm việc. Phân loại và phân phối công văn cho các bộ phận, tra cứu, cung cấp tài liệu hồ sơ theo yêu cầu; theo dõi, giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc quản lý, sử dụng các loại tài sản Công ty của các bộ phận; thường xuyên phối hợp với nhà cung cấp tổ chức việc lắp đặt, mua sắm trang thiết bị, thực hiện việc bảo trì thường xuyên và bảo trì đột xuất.

Tóm lại, năm 2013 đi qua với nhiều khó khăn và thử thách, các chỉ tiêu SXKD đã đạt được không như mong đợi so Kế hoạch đã đề ra. Tập thể Công ty đã đánh giá các nguyên nhân, thẳng thắn thừa nhận các tồn tại để cùng cố gắng phấn đấu trong thời gian tới, nhằm Xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty, từng bước nâng cao đời sống cho CBCNV, tạo bước phát triển bền vững.

**PHẦN IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SXKD NĂM 2014**

Năm 2014 vẫn sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức đối với doanh nghiệp đặc biệt các các đơn vị đầu tư và xây dựng. Trong bối cảnh này, Công ty cần tiếp tục thực hiện cải tiến công tác quản lý điều hành, thực hiện tốt chế độ chính sách để giữ chân lao động, xây dựng chiến lược phát triển dài hạn phù hợp với tình hình kinh tế và định hướng phát triển của Tổng Công ty. Các giải pháp cụ thể được đề ra như sau:

**1. Công tác đầu tư, khai thác dự án:**

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đầu tư tại các dự án, đảm bảo thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

- Tập trung nghiên cứu, đánh giá lại hiệu quả các dự án đầu tư, trước mắt sẽ lập phương án đầu tư và khai thác Tòa nhà số 01 tại dự án Nghi Phú.

- Cố gắng hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho các căn hộ chung cư và quyền sở hữu tài sản thuộc phần TTTM và Văn phòng cho thuê tại dự án Tòa nhà Dầu khí Nghệ An.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý đầu tư và quy chế quản lý sau đầu tư đối với các dự án đã đưa vào khai thác nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong Công ty.

- Tăng cường đẩy mạnh công tác quảng bá, tiếp thị thu hút khách hàng đồng thời nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Công ty trên thị trường.

**2. Công tác tìm kiếm việc làm, nâng cao năng lực trong hoạt động xây lắp:**

- Nắm bắt được chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty PVC, PVNC và các Chủ đầu tư khác trong giai đoạn tới, tiếp tục làm việc với Tổng Công ty PVC để được đảm nhận thi công các công trình tại hai dự án lớn trong nghành là dự án Nhiệt điện Quảng Trạch và dự án Nhiệt điện Thái Bình 2.

- Chủ động trong các hình thức liên danh hay thầu phụ để tìm kiếm thi công các dự án trong và ngoài ngành, nhằm nâng cao giá trị sản xuất trong năm 2014 đối với lĩnh vực xây lắp.

- Nghiên cứu xúc tiến mở rộng thị trường tại Lào để nhận thầu các công trình về hạ tầng, thủy điện, xây dựng dân dụng …

**3. Công tác tổ chức và quản lý:**

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức quản lý, phân cấp phân quyền cho các đơn vị trực thuộc chủ động và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để đạt mục tiêu hiệu quả kinh tế trong từng công việc, hợp đồng và các dự án; chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát và công tác hạch toán kinh tế, quản lý tài chính, thực hiện theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

- Không ngừng cải tiến phương thức quản lý của Công ty theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý, rà soát lại nhiệm vụ của các bộ phận để phân công và bố trí từng con người cụ thể phù hợp với khả năng và chuyên môn của mình.

- Duy trì việc thực hiện các nội qui, qui định của Công ty. Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

- Tăng cường giám sát việc sử dụng máy móc thiết bị, phát huy hiệu quả cao nhất các thiết bị hiện có.

- Tăng cường công tác tìm kiếm công việc, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV; sửa đổi quy chế tiền lương phù hợp với với quy định và tình hình thực tế của đơn vị.

**4. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:**

- Nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường để điều hành sản xuất phù hợp với thực tế. Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất, kiện toàn bộ máy điều hành và quản lý, phân công theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Phòng/ Ban, Đơn vị trực thuộc Công ty.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và theo dõi thực hiện các dự án, Công trình, nâng cao năng lực quản lý giám sát kỹ thuật, chất lượng Công trình, nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác tổ chức sản xuất về năng lực máy móc thiết bị, nguồn lực cho việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD. Nâng cao chất lượng hiệu quả từ khâu tiếp thị tìm kiếm việc làm, thương thảo hợp đồng đến khâu lập phương án kinh tế, hợp đồng giao việc, quản lý, tổ chức thi công, thanh quyết toán, thu hồi vốn.

**5. Công tác Tài chính Kế toán:**

- Xác định thu hồi công nợ là yếu tố cốt lõi để tạo dòng tiền cho đầu tư, có nguồn vốn đầy đủ, kịp thời cho việc thi công các công trình, giảm số tiền vay và lãi vay của các tổ chức tín dụng, Công ty sẽ tập trung thu hồi công nợ của khách hàng đã mua căn hộ chung cư tại dự án TNDKNA và dự án Nghi Phú;

- Đàm phán trả nợ cho tổ chức tín dụng BIDV để giảm giá trị các khoản phải trả và chi phí lãi vay hàng năm của dự án TNDKNA;

- Xây dụng và kiểm soát quản lý chặt chẽ kế hoạch chi phí của Công ty, các Đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao sử dụng vốn hiệu quả của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế để lường trước khó khăn vướng mắc trong công tác sắp xếp nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh ổn định.

- Đẩy mạnh công tác kế toán quản trị nhằm giúp lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý, điều hành, có thông tin kịp thời để chỉ đạo trọng tâm các khoản mục chi phí có ảnh hưởng lớn đến giá thành nhằm hạn chế các rủi ro, giảm chi phí, cũng như định hướng chiến lược phát triển phù hợp trong từng giai đoạn.

- Thường xuyên rà soát, phân tích và đánh giá đúng thực trạng của tình hình SXKD tạo cơ sở cho việc xử lý tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả và kịp thời.

**6. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:**

- Tiếp tục tham mưu phương án bố trí lao động và định biên lao động của các Phòng/Ban chuyên môn, bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc, tinh giảm gắn với nâng cao năng suất hiệu quả lao động.

- Từng bước khắc phục khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác đánh giá cán bộ cần được làm thường xuyên trên tinh thần xây dựng và hợp tác; chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư và người lao động nhằm nâng cao kiến thức lãnh đạo quản lý, tay nghề phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và yêu cầu SXKD của Công ty.

**PHẦN V.**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH,**

**BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

|  |
| --- |
| **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2013** |
| **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| **TÀI SẢN** |  |  |  |  |
| **A- TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** |  |  **487,624,099,994**  |  **113,004,446,321**  |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** |  **354,661,698**  |  **2,915,073,005**  |
| 1. Tiền | 111 |   |  354,661,698  |  2,654,414,558  |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 |   |  -  |  260,658,447  |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** |  |  **122,000,000**  |  -  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 |   |  122,000,000  |  -  |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 |   | 0.00 |  -  |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** |  |  **40,273,591,676**  |  **35,003,702,864**  |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 |   |  10,619,413,513  |  7,894,483,089  |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 |   |  7,571,994,357  |  5,511,530,561  |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 |   | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 |   |  10,891,734,537  |  7,750,032,727  |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 |  V.2  |  13,634,360,301  |  13,847,656,487  |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 |   |  (2,443,911,032) | 0 |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** |  **V.3**  |  **432,391,185,644**  |  **60,894,960,586**  |
| 1. Hàng tồn kho | 141 |   |  432,391,185,644  |  60,894,960,586  |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 |   | 0 | 0 |
| **V.Tài sản ngắn hạn khác** | **150** |  |  **14,482,660,976**  |  **14,190,709,866**  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 |   |  6,635,455  |  7,869,319  |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 |   |  -  |  131,710,333  |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 |   |  -  |  -  |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 |  V.4  |  14,476,025,521  |  14,051,130,214  |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN**  | **200** |  |  **32,742,361,603**  |  **422,609,404,679**  |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** |  | 0 | 0 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 |   | 0 | 0 |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 |   | 0 | 0 |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 |   | 0 | 0 |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 |   | 0 | 0 |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi | 219 |   | 0 | 0 |
| **II.Tài sản cố định** | **220** |   |  **22,681,148,867**  |  **19,093,784,579**  |
| **1. Tài sản cố định hữu hình** | **221** |  V.5  |  17,636,485,949  |  2,056,681,467  |
|  - Nguyên giá | 222 |   |  22,149,390,113  |  5,233,015,058  |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 |   |  (4,512,904,164) |  (3,176,333,591) |
| **2. Tài sản cố định thuê tài chính** | **224** |  V.10  | 0 | 0 |
|  - Nguyên giá | 225 |   | 0 | 0 |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 |   | 0 | 0 |
| **3. Tài sản cố định vô hình** | **227** |  V.11  | 0 | 0 |
|  - Nguyên giá | 228 |   | 0 | 0 |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 |   | 0 | 0 |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 |  V.6  |  5,044,662,918  |  17,037,103,112  |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **240** |  |  **8,910,524,292**  |  **400,000,000,000**  |
|  - Nguyên giá | 241 |   |  9,379,499,255  |  408,000,000,000  |
|  - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 |   |  (468,974,963) |  (8,000,000,000) |
| **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** |  | 0 | 0 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 |   | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 |   | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 |   | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 |   | 0 | 0 |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** |   |  **1,150,688,444**  |  **3,515,620,100**  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 |  V.7  |  1,150,688,444  |  3,515,620,100  |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại | 262 |   | 0 | 0 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 |   | 0 | 0 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 |  | **0** | **0** |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** |  |  **520,366,461,597**  |  **535,613,851,000**  |
| **NGUỒN VỐN** |  |  |  |  |
| **A. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** |  |  **473,540,797,935**  |  **440,522,227,982**  |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** |  |  **410,847,797,935**  |  **181,984,079,425**  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 |  V.8  |  300,000,000  |  10,000,000,000  |
| 2. Phải trả người bán | 312 |   |  23,077,438,875  |  26,365,331,139  |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 |   |  354,685,029,838  |  48,894,808,957  |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 |  V.9  |  6,082,334,247  |  4,494,317,815  |
| 5. Phải trả người lao động | 315 |   |  2,190,466,210  |  2,387,889,893  |
| 6. Chi phí phải trả | 316 |  V.10  |  22,256,809,139  |  88,376,508,176  |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 |   | 0 | 0 |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 |   | 0 | 0 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 |  V.11  |  1,720,009,376  |  825,813,195  |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |   | 0 | 0 |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 |   |  535,710,250  |  639,410,250  |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | **V.16** |  **62,693,000,000**  |  **258,538,148,557**  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 |   | 0 | 0 |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 |   | 0 | 0 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 |   | 0 | 0 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.12 |  62,693,000,000  |  258,538,148,557  |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 |   | 0 | 0 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |   | 0 | 0 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 |   | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 |   | 0 | 0 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 |   | 0 | 0 |
| **B.VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** |  |  **46,825,663,662**  |  **95,091,623,018**  |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** |  **V.13**  |  **46,825,663,662**  |  **95,091,623,018**  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 |   |  150,000,000,000  |  150,000,000,000  |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 |   |  861,600,000  |  861,600,000  |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 |   | 0 | 0 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 |   | 0 | 0 |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 |   | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 |   | 0 | 0 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 |   |  1,140,309,292  |  1,140,309,292  |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 |   |  994,042,926  |  994,042,926  |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 |   | 0 | 0 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |   |  (106,170,288,556) |  (57,904,329,200) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 |   | 0 | 0 |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 |   | 0 | 0 |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** |  | **0** | **0** |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 |   | 0 | 0 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 |   | 0 | 0 |
| C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 |  | 0 | 0 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** |  |  **520,366,461,597**  |  **535,613,851,000**  |
| **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG** |  |  |  |  |
| 1. Tài sản thuê ngoài | 01 |   | 0 | 0 |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | 02 |   | 0 | 0 |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | 03 |   | 0 | 0 |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 04 |   | 0 | 0 |
| 5. Ngoại tệ các loại | 05 |   | 0 | 0 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | 06 |   | 0 | 0 |

|  |  |
| --- | --- |
| **BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013** |  |
| **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Quý này năm nay** | **Quý này năm trước** | **Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)** | **Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)** |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 |  22,637,373,015  |  15,464,817,253  |  24,388,778,318  |  106,023,994,951  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 |   |  -  |   |  -  |   |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)** | **10** |  |  **22,637,373,015**  |  **15,464,817,253**  |  **24,388,778,318**  |  **106,023,994,951**  |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 |  23,817,805,800  |  11,587,420,197  |  26,736,413,058  |  100,146,156,484  |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)** | **20** |  |  **(1,180,432,785)** |  **3,877,397,056**  |  **(2,347,634,740)** |  **5,877,838,467**  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 |  73,703,978  |  348,242,657  |  16,965,194  |  552,948,052  |
| **7. Chi phí tài chính** | **22** | **VI.4** |  **49,926,993,086**  |  **64,725,000**  |  **32,738,956,978**  |  **50,011,663,158**  |
|  - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 |  |  49,926,993,086  |  64,725,000  |  32,738,956,978  |  50,011,663,158  |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 |   |  985,225,764  |  678,504,658  |  2,384,677,852  |  3,572,201,393  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 |   |  1,073,897,172  |  1,321,654,841  |  9,718,590,113  |  5,128,406,455  |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}** | **30** |  |  **(53,092,844,829)** |  **2,160,755,214**  |  **(47,172,894,489)** |  **(52,281,484,487)** |
| 11. Thu nhập khác | 31 |   |  640,000  |  17,345,000  |  31,345,865  |  112,255,000  |
| 12. Chi phí khác | 32 |   |  10,335,500,435  |  -  |  1,124,410,732  |  10,382,844,120  |
| **13. Lợi nhuận khác(40=31-32)** | **40** |  |  **(10,334,860,435)** |  **17,345,000**  |  **(1,093,064,867)** |  **(10,270,589,120)** |
| 14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 |   | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)** | **50** |  |  **(63,427,705,264)** |  **2,178,100,214**  |  **(48,265,959,356)** |  **(62,552,073,607)** |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 |   |  (218,907,914) |  544,525,054  |  -  |  -  |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |   | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)** | **60** |  |  **(63,208,797,350)** |  **1,633,575,160**  |  **(48,265,959,356)** |  **(62,552,073,607)** |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 |   | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 62 |   | 0 |   | 0 |   |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(\*) | 70 |   | 0 | 0 |  (3,218) |  (4,170) |

|  |
| --- |
| **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT NĂM 2013** |
| **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Thuyết minh** |  **Năm nay**  |  **Năm trước**  |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** |  |  |  |  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 |   |  (48,265,959,356) |  (62,552,073,607) |
| **2. Điều chỉnh cho các khoản** |  |  |  |  |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 |   |  18,532,732,804  |  9,113,395,097  |
| - Các khoản dự phòng | 03 |   |  2,443,911,032  |  -  |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 |   |  -  |  -  |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 |   |  (48,311,059) |  (552,948,052) |
| - Chi phí lãi vay  | 06 |   |  32,738,956,978  |  50,011,663,158  |
| **3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | **08** |  |  **5,401,330,399**  |  **(3,979,963,404)** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 |   |  (25,319,543,432) |  (4,985,213,060) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 |   |  (300,642,692,767) |  (50,404,244,936) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)  | 11 |   |  315,150,976,384  |  81,986,459,124  |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12 |   |  2,366,165,520  |  (1,790,555,983) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 |   |  (823,879,000) |  (9,584,000,000) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 |   |  -  |  (1,376,983,158) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 |   |  1,436,965,566  |  539,000  |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 |   |  -  |  -  |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | **20** |  |  **(2,430,677,330)** |  **9,866,037,583**  |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** |  |  |  |  |
| 1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 |   |  (43,709,574) |  -  |
| 2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 |   |  26,000,000  |  -  |
| 3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 |   |  (122,000,000) |  -  |
| 4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 |   |  -  |  -  |
| 5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 |   |  -  |  -  |
| 6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 |   |  -  |  -  |
| 7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 |   |  16,975,597  |  552,948,052  |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** |  |  **(122,733,977)** |  **552,948,052**  |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** |  |  |  |  |
| 1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 |   |  -  |  -  |
| 2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 |   |  -  |  -  |
| 3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 |   |  300,000,000  |  -  |
| 4.Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 |   |  (307,000,000) |  (8,876,896,769) |
| 5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 |   |  -  |  -  |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 |   |  -  |  -  |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** |  |  **(7,000,000)** |  **(8,876,896,769)** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)** | **50** |  |  **(2,560,411,307)** |  **1,542,088,866**  |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 |   |  2,915,073,005  |  1,372,984,139  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 |   |  -  |  -  |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)** | **70** |  |  **354,661,698**  |  **2,915,073,005**  |

**PHẦN VI. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN**

* 1. **Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không**
	2. **Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:**

Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (tỷ lệ nắm giữ 54,67%)

* 1. **Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không**
	2. **Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty liên quan - Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An:**

- Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An tiền thân là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An được thành lập ngày 20 tháng 4 năm 1961. Công ty được tổ chức lại theo Chỉ thị 500/TTG của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 4495/QĐUB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trên cơ sở hợp nhất 9 doanh nghiệp độc lập thuộc ngành xây dựng Nghệ An, bao gồm: Công ty xây dựng số 1 Nghệ An; Công ty xây dựng số 5 Nghệ An; Công ty xây dựng thành phố Vinh; Công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Xí nghiệp xi măng, vôi Vinh; Xí nghiệp cát sỏi, nạo vét san lấp mặt bằng xây dựng; Xí nghiệp gạch ngói 22-12; Xí nghiệp gạch ngói Hưng Nguyên; Nhà máy bê tông đá hoa xuất khẩu.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2005, UBND tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thành công ty cổ phần.

- Ngày 26/3/2007, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc Công ty trở thành đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đổi tên thành Công ty cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC). Ngày 4/5/2007, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ra Quyết định số 2397/QĐ-DKVN về việc tiếp nhận Công ty PVNC làm đơn vị thành viên của Tập đoàn.

- Ngày 26/10/2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN thông qua Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Theo Nghị quyết này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ chuyển toàn bộ 2.295.000 cổ phần, tương đương 51% phần vốn mà Tập đoàn đang nắm giữ tại Công ty PVNC sang cho Tổng Công ty PVC. Công ty PVNC là đơn vị thành viên của Tổng Công ty PVC và có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty PVC nắm giữ tỷ lệ cổ phần là 10% theo Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn số 1641/XLDK- TCKT ngày 05/4/2010.

- Việc gia nhập Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng và mở ra nhiều triển vọng lớn cho Công ty PVNC trong quá trình phát triển. Một mặt, Công ty được nâng cao tiềm lực tài chính, tăng năng lực cạnh tranh, uy tín thương hiệu trên thị trường, mặt khác Tổng Công ty còn có cơ hội tiếp cận với các dự án lớn của Tập đoàn Dầu khí và các đơn vị thành viên. Đây chính là cơ hội lớn đối với Công ty để có thể phát triển lên một tầm cao mới.

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 482/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/10/2010, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã nhất trí thông qua đề án chuyển Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An thành Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An. Do đó, ngày 19/10/2010, sở KHĐT tỉnh Nghệ An đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh tên của Công ty thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

- Theo Nghị quyết số 88/NQ-PVNC của Hội đồng quản trị Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An ngày 03/12/2011 thì Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 118.460.000.000 đồng, nâng vốn điều lệ lên 218.460.000.000 đồng.

**PHẦN VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

1. **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Đã nêu tại mục I, II phần I)**
2. **TÓM TẮT CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

**1. Hội đồng quản trị**

* 1. ***.Ông - Đường Hùng Cường - Chủ tịch HĐQT***
* Ngày sinh : 7/8/1977
* Số CMND : 012757736 do CA Hà Nội cấp ngày 11/3/2005
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Xã Đức Vĩnh – huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh
* Địa chỉ thường trú: Số 05 Đường Lê Lợi - Phường Lê Lợi - TP.Vinh - Nghệ An
* Trình độ văn hoá : 12/12
* Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, Kiến trúc sư- chuyên ngành Kiến trúc công trình
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi làm việc** | **Chức vụ** |
| 2001 - 2005 | CN Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng - Chi nhánh tại Hà Nội | Cán bộ kỹ thuật |
| 2005 - 2008 | CN Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng tại miền Trung | Cán bộ quản lý- Phó Giám đốc |
| 10/2008 - 3/2009 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | CB quản lý, Quyền Giám đốc XN PVIT10 |
| 3/2009 - 11/2009 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc XN PVIT10 |
| 11/2009 - 15/5/2011 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Bí thư chi bộ, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty |
| 16/5/2011- nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 20.500 Cổ phần

+ Những người có liên quan: : 3.000 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không
	1. ***.Ông - Lê Phi Hùng - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc***
* Ngày sinh : 21/12/1974
* Số CMND : 182043850 cấp ngày 03/01/2000 tại Công an Nghệ An
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Hoa Thành -Yên thành- Nghệ An
* Địa chỉ thường trú: Khối 2 - Phường Cửa Nam, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
* Trình độ văn hoá : 12/12
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| 02/1992-12/2000 | Công ty XD số 1 Nghệ An | Công nhân Xí nghiệp 3 |
| 01/2001-9/2004 | Công ty XD số 1 Nghệ An | Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 103 |
| 10/2004-8/2006 | Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An | Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 3 |
| 9/2006-10/2006 | Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An | Phó phòng đấu thầu dự án |
| 10/2006-6/2007 | Cty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An | Giám đốc Xí nghiệp 3 |
| 6/2007-3/2008 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Giám đốc Xí nghiệp 3 |
| 4/2008-5/2008 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Trưởng phòng Kế hoạch KT |
| 6/2008-9/2008 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng.Kinh tế-Kế hoạch |
| 15/9/2008-10/5/2010 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Thành viên HĐQT, Trưởng ban điều hành dự án công trình: Toà nhà Dầu khí Nghệ An |
| 11/5/2010 - 15/5/2011 | Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty |
| 16/5/2011 - nay | Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An | Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 9.000 Cổ phần

+ Những người có liên quan: : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không
	1. ***. Ông - Đồng Xuân Bình - Uỷ viên HĐQT***
* Ngày sinh : 10/08/1960
* Số CMND: 186527151 Ngày cấp 26/2/2006 Nơi cấp: Công an Nghệ An
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Đức Bình, Đức Thọ, Hà Tĩnh
* Địa chỉ thường trú: Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
* Trình độ văn hoá : 10/10
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| 4/1980 - 4/1987 | Xí nghiệp xây dựng 6 - Tỉnh Hậu Giang | Cán bộ kỹ thuật |
| 02/1987 - 3/1997 | Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An | Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 1 |
| 4/1997 - 4/2002 | Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An | Cán bộ kỹ thuật XN 101 |
| 5/2002 - 3/2003 | Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An | Phó Giám đốc Xí nghiệp 101 |
| 4/2003 - 02/2005 | Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An | Chủ tịch Công đoàn |
| 3/2005 - 4/2007 | Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An | Thành viên HĐQT |
| 4/2007 - 5/2008 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Chủ tịch Công đoàn, Phó BT Đảng uỷ |
| 5/2008 - nay | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Ủy viên HĐQT, Phó BT Đảng uỷ, Phó TGĐ công ty |
| 05/2010 - 5/2011 | Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Nghệ An | Chủ tịch HĐQT |
| 6/2011 - nay | Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Nghệ An | Uỷ viên Hội đồng quản trị |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQ, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 600 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không
	1. ***.Ông - Phan Hải Triều - Ủy viên HĐQT***
* Ngày sinh : 02/09/1959
* Số CMND: 181979848 Ngày cấp 12/8/2004 Nơi cấp: Công an Nghệ An
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Hợp Thành – Yên Thành – Nghệ An
* Địa chỉ thường trú : Khối 10, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, Nghệ An
* Trình độ văn hoá : 10/10
* Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, Kỹ sư xây dựng
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| 10/1979–11/1983 | Công ty xây dựng số 5 | Cán bộ phòng KHKT |
| 12/1983–01/1985 | Công ty xây dựng số 5 | Phó giám đốc xí nghiệp 3 |
| 02/1985– 2/1996 | Công ty xây dựng số 5 | Giám đốc xí nghiệp 3 |
| 01/1997 – 3/2001 | Công ty xây dựng số 1 Nghệ An | Giám đốc xí nghiệp 108 |
| 12/2001-12/2002 | Công ty xây dựng số 1 Nghệ An | Giám đốc Công ty |
| 1/2003 – 3/2005 | Công ty xây dựng số 1 Nghệ An | Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Công ty |
| 4/2005 – 5/2007 | Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An | Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty |
| 6/2007 – 6/2008 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Bí thư Đảng uỷ, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 6/2008 - nay | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty PVC, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT |
| 05/2010 - nay | Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An | Ủy viên HĐQT |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty PVC; Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 100 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không
	1. ***.Ông - Trần Đình Quang - Phó Bí thư đảng uỷ, Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc***
* Ngày sinh: 17/10/1966;
* Số CMND: 181275803; cấp ngày 27/8/2005; Nơi cấp: Công an Nghệ An;
* Quốc tịch: Việt Nam;
* Dân tộc: Kinh;
* Quê quán: Xã Lạc Sơn- huyện Đô Lương – tỉnh Nghệ An;
* Địa chỉ thường trú: Phường Hà Huy Tập – TP.Vinh- Tỉnh Nghệ An;
* Trình độ văn hoá: 12/12;
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, chuyên ngành thủy điện;
* Chức vụ hiện tại: Uỷ viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| 1993-1995 | Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi Nghệ An | Thiết kế các công trình thủy lợi |
| 1995-1998 | Công ty khảo sát thiết kế thủy lợi Nghệ An | Bí thư Đoàn thanh niên |
| 1998-2002 | Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi & phát triển nông thôn Nghệ An | Xưởng trưởng xưởng thiết kế số 1, Bí thư Đoàn TN |
| 2003-2007 | Công ty CP Tư vấn & xây dựng thủy lợi Nghệ An | Phó phòng kế hoạch kỹ thuật |
| 6/2007-9/2007 | Công ty CP Đầu tư thủy điện miền Trung Việt Nam | Trưởng phòng kế hoạch dự án |
| 10/2007-2/2008 | Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An | Phó Ban quản lý dự án |
| 3/2008-7/2008 | Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó bí thư chi bộ kiêm Trưởng phòng kinh tế tổng hợp |
| 8/2008-7/2009 | Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó bí thư chi bộ, Phó Tổng giám đốc |
| 8/2009-12/2009 | Công ty CP xi măng Dầu khí 12/9 | Tổng giám đốc |
| 1/2010-3/2010 | Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó Tổng giám đốc |
| 4/2010 - 4/2011 | Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó bí thư chi bộ, Phó Tổng giám đốc |
| 5/2011- nay | Công ty CP Đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó bí thư Đảng bộ, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 1.000 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**2. Ban kiểm soát**

***2.1. Bà – Trần Thị Hồng Minh - Trưởng BKS***

* Ngày sinh: 11/4/1979
* Số CMND: 182239749; Cấp ngày: 18/12/1996; Nơi cấp: Công an Nghệ An;
* Quốc tịch: Việt Nam;
* Dân tộc: Kinh;
* Quê quán: xã Nam Phúc - huyện Nam Đàn - tỉnh Nghệ An;
* Địa chỉ thường trú: Khối 11 - phường Hà Huy Tập - TP Vinh - tỉnh Nghệ An;
* Trình độ văn hoá: 12/12;
* Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế;
* Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi làm việc** | **Chức vụ** |
| 2003 - 2005 | Công ty xây dựng số 1 Nghệ An | Phụ trách kế toán đơn vị trực thuộc |
| 2005 - 2007 | Công ty CP XD và ĐT số 1 Nghệ An | Phó bí thư đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty, Phụ trách kế toán đơn vị trực thuộc |
| 2007 - 4/2011 | Công ty CP Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An | UV BCH công đoàn, Phụ trách kế toán Ban QLDA 3 |
| 5/2011 - nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Trưởng ban kiểm soát Công ty |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty :Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 6.800 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không

***2.2 Bà – Lê Thị Thúy Hà – Thành viên BKS***

* Ngày sinh : 09/08/1972
* Số CMND : 182209098 do CA Nghệ An cấp ngày 04/09/1996
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Hưng Hòa – TP Vinh - Nghệ An
* Địa chỉ thường trú: Khối Yên Vinh - Phường Hưng Phúc – TP Vinh Nghệ An
* Trình độ văn hoá: 12/12
* Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi làm việc** | **Chức vụ** |
| 3/1993-3/1996 | Công ty cơ điện xây lắp thuỷ lợi Nghệ An | Nhân viên kế toán |
| 4/1996-2/1996 | Công ty xây dựng số 5 | Nhân viên kế toán |
| 01/1997-10/2004 | Công ty xây dựng số 1 Nghệ An | Kế toán Xí nghiệp 107 |
| 10/2004-4/2005 | Công ty xây dựng số 1 Nghệ An | Kế toán trưởng Xí nghiệp 107 |
| 4/2005-4/2007 | Công ty CP XD&ĐT số 1 Nghệ An | Kế toán trưởng Xí nghiệp 7 |
| 4/2007-6/2007 | Công ty CP XD Dầu khí Nghệ An | Kế toán trưởng Xí nghiệp 7 |
| 6/2007-9/2008 | Công ty CPXD ĐT số 1 Nghệ An | Thành viên Ban kiểm soát |
| 9/2008- 3/2010 | Công ty CPXD Dầu khí Nghệ An | Thành viên Ban kiểm soát |
| 5/2010 - nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Thành viên Ban kiểm soát |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phụ trách kế toán Ban quản lý dự án số 3 Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An.
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 500 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

***2.3 Ông - Trần Lương Sơn - Thành viên BKS***

* Ngày sinh : 14/01/1972
* Số CMND :181875545 do Công an Nghệ An cấp ngày 07/09/2008
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Bồng Sơn – Huyện Hoài Nhơn – Tỉnh Bình Định
* Địa chỉ thường trú : Khối Vĩnh Quang – P.Đông Vĩnh- TP.Vinh- Nghệ An
* Trình độ văn hoá : 12/12
* Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi làm việc** | **Chức vụ** |
| 12/2001-12/2005 | Công ty XD I Nghệ An | CN tại XNXL tổng hợp |
| 01/2006-05/2008 | Công ty CP xây dựng số 3 Nghệ An | Cán bộ kỹ thuật |
| 7/2008- 01/2009 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An | Cán bộ phòng kinh tế tổng hợp |
| 02/2009-8/2009 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An | Phó phòng Kinh tế tổng hợp |
| 9/2009 – 6/2010 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An | Trưởng phòng Kinh tế tổng hợp |
| 5/2010 - Nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An | Thành viên Ban kiểm soát |
| 7/2010- Nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu Khí Nghệ An | Trưởng Ban QLDA Công ty |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 5.100 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**3. Ban Tổng giám đốc**

* 1. ***Ông – Lê Phi Hùng - Tổng Giám đốc***

Lý lịch trình bày tại mục II/1/1.2 phần IV.

* 1. ***Ông Trần Đình Quang - Phó Tổng Giám đốc***

Lý lịch trình bày tại mục II/1/1.5 phần IV.

* 1. ***Ông - Trần Hoàng Đạt - Phó Tổng Giám đốc***
* Ngày sinh : 15/3/1980
* Số CMND : 182306148 do Công an Nghệ An cấp ngày 12/7/1999
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Đức Tùng - Đức Thọ - Hà Tĩnh
* Địa chỉ thường trú : Phường Hưng Dũng – TP.Vinh – Nghệ An
* Trình độ văn hoá : 12/12
* Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ- Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| 3/2003 – 2/2008 | Công ty CP tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng | Kỹ sư tư vấn thiết kế, Quản lý dự án, Giám sát thi công |
| 3/2008-9/2008 | Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó Ban QLDA |
| 10/2008 - 10/2009 | Công ty CP đầu tư & thương mại Dầu khí Nghệ An | Trưởng Ban QLDA |
| 11/2009 - 6/2010 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Trưởng ban QLDA |
| 7/2010 - nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó Tổng giám đốc Công ty |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**4. Kế toán trưởng**: **Ông – Nguyễn Văn Phóng**

* Ngày sinh : 30/12/1975
* Số CMND : 182022226 do Công an Nghệ An cấp ngày 19/9/2003
* Quốc tịch : Việt Nam
* Dân tộc : Kinh
* Quê quán : Phong Thịnh – Thanh Chương – Nghệ An
* Địa chỉ thường trú : Khối 14 Thị trấn Hưng Nguyên- Tỉnh Nghệ An
* Trình độ văn hoá : 12/12
* Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh
* Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| 10/1997-12/1998 | Công ty TNHH Tân Tiến Phong – Hà Nội | Cán bộ giao nhận |
| 01/1999-8/2005 | Công ty Liên doanh mía đường Nghệ An Tate & Lyle | Kế toán |
| 9/2005-8/2008 | Công ty TNHH Phú Vinh – TP.Vinh | Kế toán trưởng |
| 9/2008-2/2009 | Xí nghiệp 11- Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Kế toán trưởng |
| 3/2009 – 10/2009 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Phó phòng kế toán |
| 11/2009 - nay | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An | Kế toán trưởng |

* Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
* Hành vi vi phạm pháp luật : Không
* Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
* Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

+ Những người có liên quan: : 0 Cổ phần

* Các khoản nợ đối với Công ty : Không
1. **Thay đổi Tổng Giám đốc:**

Trong năm 2012, Công ty không có sự thay đổi Tổng Giám đốc

1. **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:**

Đã nêu tại Báo cáo Ban Tổng giám đốc và báo cáo tài chính

1. **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

1. Số lượng cán bộ công nhân viên: 128

2. Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo theo quy định nhà nước

1. **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**
	1. **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:Không**
	2. **Thay đổi Ban Tổng Giám đốc**: Không
	3. **Thay đổi Ban kiểm soát**: Không
	4. **Thay đổi kế toán trưởng: Không**

**PHẦN VIII**

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

* + 1. **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH VÀ BAN KIỂM SOÁT/KIỂM SOÁT VIÊN:**

**1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:**

**Thành viên HĐQT:** 5 người (có danh sách và lý lịch trích ngang ở mục II phần VI)

**Thành viên BKS:** 03 người (có danh sách và lý lịch trích ngang ở mục II phần VI)

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Đã nêu tại Phần II - Báo cáo HĐQT.

**3. Hoạt động của ban kiểm soát/Kiểm soát viên năm 2013**

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban. Đã tổ chức những cuộc họp đánh giá tình hình SXKD và công tác điều hành quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty định kỳ trong năm.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao Ban kiểm soát xét thấy những thuận lợi và khó khăn trong tổ chức hoạt động của Ban như sau:

**1. Thuận lợi**

Các thành viên Ban kiểm soát là các cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế. Ban kiểm soát đã xây dựng chương trình công tác năm 2013 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thường xuyên có thông tin liên lạc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Các thành viên thường xuyên giữ mối quan hệ với Công ty để thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công.

**2. Khó khăn**

Thành viên Ban kiểm soát chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, địa điểm công tác khác nhau, nên có nhiều khó khăn trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát không có các thành viên chuyên trách làm việc tại văn phòng Công ty nên việc cập nhật thông tin và thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát cũng có nhiều hạn chế.

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra định kỳ với nội dung: Việc thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hết năm 2013, chứng từ sổ sách kế toán của Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc, việc thực hiện các dự án đầu tư, công tác thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, công tác góp và sử dụng vốn điều lệ, tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế và các hoạt động khác của Công ty.

**4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:**

Đã nêu tại phần IV - báo cáo tài chính

**5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tính chốt tại ngày 20/3/2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Chức vụ** | **SLCP** | **%/VĐL** |
| 1 | Đồng Xuân Bình | Thành viên HĐQT | 600 | 0,004 |
| 2 | Đường Hùng Cường | Chủ tịch HĐQT | 20.500 | 0,137 |
| 3 | Lê Phi Hùng | TV. HĐQT, TGĐ | 9.000 | 0,006 |
| 4 | Phan Hải Triều | TV. HĐQT | 100 | 0,001 |
| 6 | Trần Đình Quang | TV. HĐQT, P.TGĐ | 1.000 | 0,0007 |
| 7 | Trần Hoàng Đạt | P.TGĐ | 0 | 0 |
| 8 | Trần Thị Hồng Minh | Trưởng Ban kiểm soát | 5.000 | 0,0033 |
| 9 | Lê Thị Thuý Hà | TV Ban kiểm soát | 500 | 0,0003 |
| 10 | Trần lương Sơn | TV Ban kiểm soát | 5.100 | 0,0034 |

* + 1. **CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN**
	1. **Cổ đông/thành viên góp vốn nhà nước: Không**
	2. **Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục** | **Giá trị (1,000 VND)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **I** | **Cổ đông sáng lập, trong đó:** | **106.610.400** | **71,07%** |
| 1 | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An | 82.000.000 | 54,67% |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí | 5.200.000 | 3,47% |
| 3 | Nguyễn Lê Vinh | 8.000 | 0,01% |
| 4 | Trần Đình Trọng | 8.000 | 0,01% |
| 5 | Trần Đông Phương | 8.000 | 0,01% |
| 6 | Nguyễn Đức Nam | 8.000 | 0,01% |
| 7 | Huỳnh Khắc Sơn | 8.000 | 0,01% |
| 8 | Nguyễn Minh Châu | 8.000 | 0,01% |
| 9 | Nguyễn Thị Phương Mai | 8.000 | 0,01% |
| 10 | Nguyễn Thùy Lan | 8.000 | 0,01% |
| 11 | Biện Quốc Anh | 8.000 | 0,01% |
| 12 | Nguyễn Quang Hồng | 8.000 | 0,01% |
| 13 | Nguyễn Việt Cường | 10.400 | 0,01% |
| 14 | Lại Minh Phương | 8.000 | 0,01% |
| 15 | Nguyễn Ngọc Thạch | 8.000 | 0,01% |
| 16 | Nguyễn Minh Nhựt | 8.000 | 0,01% |
| 17 | Trần Đức Hiện | 390.000 | 0,26% |
| 18 | Phan Phúc Hậu | 650.000 | 0,43% |
| 19 | Kim Thị Phương Mai | 30.000 | 0,02% |
| 20 | Đoàn Ngọc Hải | 30.000 | 0,02% |
| 21 | Dương Xuân Hồng | 52.000 | 0,03% |
| 22 | Trần Ngọc Diệp | 50.000 | 0,03% |
| 23 | Nguyễn Thanh Liêm | 48.000 | 0,03% |
| 24 | Lương Thị Thủy | 60.000 | 0,04% |
| 25 | Đỗ Mạnh Bình | 26.000 | 0,02% |
| 26 | Phạm Thành Tuân | 39.000 | 0,03% |
| 27 | Trần Thùy Dương | 20.000 | 0,01% |
| 28 | Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam | 17.901.000 | 11,93% |

* 1. **Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Cổ đông** | **Địa chỉ** | **Giá trị (10,000 VND)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Wataru Miyazawa | 6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan | 200 CP | 0,0001% |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nơi nhận:**- UBCKNN (b/c);- Sở GDCK HN (b/c);- HĐQT, BKS (b/c);- Lưu TCNS, VT. |  | *Vinh, ngày 14 tháng 4 năm 2014***GIÁM ĐỐC** |